

Phụ lục I.

CHUẨN ĐỊNH DẠNG DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ GIẤY CHỨNG SINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1898/QĐ-BYT ngày 09 / 6 /2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	Tên trường thông tin	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Kích thước tối đa	Diễn giải
1	Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	TEN_CSKBCB	Chuỗi	x	255	Ghi tên cơ sở KBCB nơi cấp Giấy chứng sinh, theo danh mục quy định của Bộ Y tế.
		MA_CSKBCB	Chuỗi	x	5	Ghi mã cơ sở KBCB nơi cấp Giấy chứng sinh, gồm có 05 ký tự. Mã số cơ sở khám chữa bệnh thực hiện theo quy định về nguyên tắc cấp mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
2	Mã Giấy chứng sinh	MA_GCS	Chuỗi	x	18	Mã giấy chứng sinh được quản lý tại cơ sở khám chữa bệnh theo quy định của Bộ Y tế, mã gồm 18 ký tự theo định dạng XXXXX.GCS.ZZZZZ.YY <i>Trong đó</i> ✓ XXXXX có độ dài 05 ký tự là số thứ tự tăng dần của số giấy chứng sinh đã cấp trong năm tại cơ sở khám chữa bệnh ✓ GCS: Là ký tự cố định xác định với Giấy chứng sinh. ✓ ZZZZZ: Mã số cơ sở khám chữa bệnh thực hiện theo Quyết định số 384/QĐ-BYT ngày 01/02/2019 của Bộ Y tế quy định về nguyên tắc cấp mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Theo đó, mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh gồm 05 ký tự thể hiện bằng số: 02 ký tự đầu; mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo Tổng cục thống kê (Riêng các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng sử dụng mã ký tự là 97, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Công an là 98); 03 ký tự tiếp theo: là thứ tự của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong tỉnh, thành phố tương ứng bắt đầu từ số 001 và kết thúc là ZZZ. ✓ YY: Độ dài 02 ký tự tương ứng với 02 ký tự cuối của năm cấp giấy. <i>Ví dụ:</i> 00005.GCS.22001.25

STT	Tên trường thông tin	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Kích thước tối đa	Diễn giải
3	Lần cấp	CAP_LAN	Số	x	1	Lần cấp: 0=Cấp lần đầu 1=Cấp lại
4	Họ, chữ đệm, tên khai sinh của mẹ	HOTEN_ME	Chuỗi ký tự	x	200	Họ, chữ đệm và tên khai sinh của mẹ.
5	Ngày, tháng, năm sinh	NGAYSINH_ME	Chuỗi ký tự	x	12	Ngày sinh của mẹ, định dạng yyyymmdd hoặc yyyy, với yyyy là năm sinh, MM là tháng sinh, dd là ngày sinh.
6	Dân tộc	MA_DANTOC_ME	Chuỗi ký tự	x	10	Ghi mã dân tộc của mẹ theo Danh mục các dân tộc Việt Nam tra cứu mã dân tộc tại đường link: http://tongdieutradanso.vn/danh-muc-cac-dan-toc-viet-nam.html
7	Số ĐDCN/Hộ chiếu	LOAI_GIAYTO_ME	Số	x	1	Loại giấy tờ (1=ĐDCN, 2=Hộ chiếu, 3=khác).
		SO_DDCN_ME	Chuỗi ký tự	x	15	Số ĐDCN/Hộ chiếu hoặc Giấy tờ tùy thân khác của mẹ.
8	Nơi cư trú	NOI_CU_TRU_ME	Chuỗi ký tự	x	1024	Ghi địa chỉ nơi cư trú (thường trú hoặc tạm trú hoặc nơi ở hiện tại) của mẹ. Lưu ý: - Nếu là người Việt Nam: Ghi địa chỉ nơi cư trú theo địa danh hành chính các cấp; - Trường hợp người nước ngoài có địa chỉ nơi cư trú tại Việt Nam thì ghi giống như người Việt Nam; - Trường hợp người nước ngoài không có địa chỉ nơi cư trú tại Việt Nam nhưng sinh đẻ tại cơ sở y tế của Việt Nam thì ghi tên tỉnh/thành phố/bang và quốc gia nơi người mẹ đang sinh sống.
		MATINH_CU_TRU	Chuỗi ký tự	x	2	Mã đơn vị hành chính cấp tỉnh nơi cư trú hiện tại của người mẹ. Ghi theo 02 ký tự cuối của mã đơn vị hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người mẹ cư trú.

STT	Tên trường thông tin	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Kích thước tối đa	Diễn giải
		MAXA_CU_TRU	Chuỗi ký tự	x	5	Mã đơn vị hành chính cấp xã, phường nơi cư trú hiện tại của người mẹ quy định theo bảng mã của Tổng cục Thống kê.
9	Mã số BHXH/Thẻ BHYT số	MA_BHXH_ME	Chuỗi ký tự	x	10	Mã số BHXH của mẹ. Trang hỗ trợ tra cứu mã số BHXH tại đường link: https://baohiemxahoi.gov.vn/Pages/default.aspx .
		MA_THE_ME	Chuỗi ký tự		15	Mã thẻ BHYT của người mẹ
10	Đã sinh con vào lúc	NGAY_SINH_CON	Chuỗi ký tự	x	12	Ngày sinh con, định dạng yyyymmddHHss, với yyyy là năm sinh, MM là tháng sinh, dd là ngày sinh, HH là giờ sinh, ss là phút sinh
11	Tại	NOI_SINH_CON	Chuỗi ký tự	x	1024	Ghi địa chỉ nơi con được sinh ra theo cấu trúc: {mã tỉnh}:{mã huyện (nếu tỉnh không có huyện thì thay bằng dấu _)}:{mã xã (nếu huyện không có xã thì thay bằng dấu _)}:{địa chỉ full text có cả tên tỉnh, huyện, xã theo chuẩn chung}. Trong đó, Mã tỉnh, huyện, xã theo bảng mã của Tổng cục Thống kê. <i>Ví dụ:</i> 01:006:00232:78 đường Giải Phóng, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội Lưu ý: - Trường hợp trẻ em được sinh ra tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, thì ghi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và địa danh hành chính nơi trẻ em được sinh ra; <i>Ví dụ:</i> Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định); - Trường hợp trẻ em được sinh ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thì ghi địa điểm và địa danh hành chính nơi trẻ sinh ra. <i>Ví dụ:</i> tại nhà/trên đường đi tại xã A, tỉnh B
12	Số con trong lần sinh này	LAN_SINH	Số	x	2	Ghi số lần sinh con (tính cả lần sinh này).

STT	Tên trường thông tin	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Kích thước tối đa	Diễn giải
13	Giới tính của con	GIOI_TINH_CON	Số	x	1	Giới tính mã hóa (1: Nam, 2: Nữ, 3: Chưa xác định)
14	Cân nặng của con	CAN_NANG_CON	Chuỗi ký tự		10	Ghi số cân nặng của con, tính theo gram (ký hiệu là: g) (ví dụ: 3.6 kg = 3600g).
15	Dự định đặt tên con	MA_THE_TAM	Chuỗi ký tự	x	15	Ghi mã thẻ BHYT tạm thời của người con. Cơ sở KBCB sử dụng chức năng “Thông tuyến khám chữa bệnh\Tra cứu thẻ tạm của trẻ em hoặc của người hiến tạng” trên Cổng tiếp nhận dữ liệu Hệ thống thông tin giám định BHYT của BHXH Việt Nam để tra cứu mã thẻ BHYT tạm thời.
		TEN_CON	Chuỗi ký tự	x	200	Tên dự định đặt cho con (Tên dự kiến này có thể thay đổi khi đăng ký khai sinh)
16	Ghi chú	GHI_CHU	Chuỗi ký tự		1500	Trường hợp sinh con phải phẫu thuật hoặc sinh con dưới 32 tuần tuổi hoặc vừa sinh con dưới 32 tuần tuổi lại vừa phải phẫu thuật thì trong phần ghi chú phải ghi rõ một trong các nội dung sau "Sinh con phải phẫu thuật" hoặc "Sinh con dưới 32 tuần tuổi" hoặc "Phẫu thuật, sinh con dưới 32 tuần tuổi".
		SINHCON_PHAUTHUAT	Số		1	1: sinh con phải phẫu thuật 0: sinh con không phải phẫu thuật
		SINHCON_DUOI32TUAN	Số		1	1: sinh con dưới 32 tuần tuổi 0: không sinh con dưới 32 tuần tuổi
		TINH_TRANG_CON	Chuỗi ký tự	x	500	Ghi rõ tình trạng của trẻ tại thời điểm làm Giấy chứng sinh: khỏe mạnh, yếu, dị tật hoặc các biểu hiện liên quan đến sức khỏe khác (nếu có). Lưu ý: Nếu trẻ bị dị dạng, dị tật, ghi cụ thể loại dị dạng, dị tật, kể cả khuyết tật về hình thái của trẻ nếu phát hiện được.

STT	Tên trường thông tin	Chỉ tiêu	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Kích thước tối đa	Diễn giải
17	Ngày cấp Giấy chứng sinh	NGAY_CS	Chuỗi ký tự	x	8	Ngày cấp giấy chứng sinh, định dạng yyyyMMdd với yyyy là năm cấp, MM là tháng cấp, dd là ngày cấp. ghi theo ngày dương lịch.
18	Thân nhân của trẻ	THAN_NHAN	Chuỗi ký tự	x	225	Ghi rõ Họ, tên đệm, tên thân nhân của trẻ
19	Người đỡ đẻ	NGUOI_DO_DE	Chuỗi ký tự	x	255	Ghi rõ chức danh và ghi rõ họ, chữ đệm của người đỡ đẻ.
20	Đại diện cơ sở KBCB	THU_TRUONG_DVI	Chuỗi ký tự	x	200	Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc Người được người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ủy quyền ký và đóng dấu của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó. Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên và đóng dấu.

Ghi chú: Trường hợp đẻ sinh đôi hoặc sinh nhiều hơn thì cơ sở y tế tạo lập, gửi dữ liệu định dạng XMLgiấy chứng sinh cho từng trẻ.